

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYỀN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 182/2022/HNGĐ-ST

Ngày 30 tháng 9 năm 2022

V/v “Tranh chấp ly hôn, nuôi con,
chia tài sản chung”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN, TỈNH AN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Hùng Bích

2. Bà Phan Hoàng Mai

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trương Phi - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 288/2022/TLST-HNGĐ, ngày 15 tháng 7 năm 2022 về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con, chia tài sản chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 409/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 26 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 383/2022/QĐST-HN, ngày 12 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị Bạch L, sinh năm 1987.

Địa chỉ: khóm B, phường K, thành phố L, tỉnh An Giang. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Công T, sinh năm 1983.

Địa chỉ: khóm B, phường K, thành phố L, tỉnh An Giang. Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng V.

Địa chỉ trụ sở chính: phường T, Quận Đ, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn T – Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Thanh Q - Giám đốc Ngân hàng N, chi nhánh tỉnh An Giang. Văn bản ủy quyền số: 2965/QĐ-NHNo-PC, ngày 27 tháng 12 năm 2019.

Địa chỉ liên hệ: đường T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

Người được ủy quyền lại: Bà Nguyễn Phạm Yên N- Trưởng Phòng Kế toán và Ngân quỹ. Văn bản ủy quyền số: 1117/UQ-NHNo.AG, ngày 08/9/2022.

Địa chỉ liên hệ: đường T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. Có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn cùng các lời khai trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Thị Bạch L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Công T qua mai mối, tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường K, thành phố L ngày 06/3/2008. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được hơn 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân bất đồng về kinh tế, ông T không chia sẻ với bà về các khoản nợ trong thời kỳ hôn nhân, bà nhiều lần giải thích, tạo cơ hội để vợ chồng hàn gắn hạnh phúc, nhưng ông T vẫn không sửa đổi. Do mâu thuẫn trầm trọng, hôn nhân không hạnh phúc nên bà L yêu cầu ly hôn ông T.

Về con chung: Ông bà có một con chung tên Nguyễn Việt T, sinh ngày 17/8/2008, hiện do ông T chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà thống nhất nguyện vọng con chung được sống với ông T khi cha mẹ ly hôn, bà không tranh chấp quyền nuôi con. Ông T không yêu cầu bà cấp dưỡng nuôi con thì bà đồng ý.

Về tài sản chung: Ông bà có tài sản chung là 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng) do ông Nguyễn Công T đứng tên Sổ Tiết kiệm gửi tại Ngân hàng N, chi nhánh tỉnh An Giang và quản lý Sổ Tiết kiệm.

Bà yêu cầu chia đôi tài sản chung trên và yêu cầu được nhận 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng). Đối với tiền lãi gửi tiết kiệm hàng tháng của số tiền gửi 300.000.000 đồng, bà không tranh chấp.

Về nợ chung: Bà không yêu cầu giải quyết.

Theo bản tự khai cùng các lời khai trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Công T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông thống nhất lời trình bày của bà L về quan hệ hôn nhân. Tuy nhiên, nguyên nhân mâu thuẫn như bà L trình bày thì ông không thống nhất, vì trong gia đình ông là người chồng, người cha có trách nhiệm, khi bà L bệnh ông quan tâm chăm sóc, lo lắng, cuộc sống vợ chồng vẫn hạnh phúc. Khi bà L gây nợ bên ngoài thì tình cảm vợ chồng có căng thẳng, nhưng ông vẫn chia sẻ và cùng bà L trả các khoản nợ do bà L gây ra, dù ông không rõ nguyên nhân.

Nay bà L yêu cầu ly hôn vì cho rằng không muốn tiếp tục sống cùng ông để lo cho con, đối với yêu cầu ly hôn của bà L thì ông thống nhất thuận tình ly hôn, vì nếu bà L kiên quyết ly hôn, ông có níu kéo, hàn gắn cũng không hạnh phúc.

Về con chung: Ông thống nhất lời trình bày của bà L là ông bà có một con chung tên Nguyễn Việt T, sinh ngày 17/8/2008, hiện do ông chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông thống nhất nguyện vọng con chung được tiếp tục sống với ông khi cha mẹ ly hôn. Ông có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, đủ khả năng lo cho con nên không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông thừa nhận ông và bà L có một Sổ Tiết kiệm gửi tại Ngân hàng N, chi nhánh tỉnh An Giang với số tiền gửi 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng) do ông đứng tên Sổ Tiết kiệm.

Tại phiên tòa ông xác định ông đã rút số tiền gửi 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng), không còn gửi tại Ngân hàng N, chi nhánh tỉnh An Giang. Đối với yêu cầu của bà L được nhận 150.000.000 đồng trên số tiền 300.000.000 đồng thì ông không đồng ý. Ông yêu cầu chia 300.000.000 đồng làm 3 phần cho ông, bà L và cháu T, mỗi người 100.000.000 đồng.

Về nợ chung: Ông không yêu cầu giải quyết.

Theo văn bản trình bày ý kiến số: 995/NHNo.AG.KTNQ, ngày 05 tháng 8 năm 2022 của Ngân hàng N, chi nhánh tỉnh An Giang thể hiện:

Căn cứ Thông báo số 513/TB-TLVA ngày 25 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố L. Ngân hàng N - chi nhánh tỉnh An Giang có ý kiến như sau: Ông Nguyễn Công T, sinh năm 1983. Địa chỉ: khóm B, phường K, thành phố L, tỉnh An Giang.

Vào ngày 20/5/2022 ông Nguyễn Công T có đến Ngân hàng N chi nhánh tỉnh An Giang mở Sổ Tiết kiệm với số tiền 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng). Số tài khoản 6700601774225, số sổ AD00015665229 theo kỳ hạn 01 tháng lĩnh lãi cuối kỳ, lãi suất 3,1%/năm.

Đến ngày 02/8/2022 ông Nguyễn Công T có đến Ngân hàng N chi nhánh tỉnh An Giang đóng sổ, rút tiền từ Sổ Tiết kiệm nêu trên, số tiền là 301.567.000 đồng (Ba trăm lẻ một triệu, năm trăm sáu mươi bảy nghìn đồng) (đính kèm chứng từ tất toán Sổ Tiết kiệm).

Bà Nguyễn Phạm Yến N là người được ủy quyền lại có đơn ngày 08 tháng 9 năm 2022 đề nghị xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa, bà L và ông T thống nhất văn bản trên của Ngân hàng N, chi nhánh tỉnh An Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bà Trần Thị Bạch L yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con, chia tài sản chung với ông Nguyễn Công T. Ông T cư ngụ tại khóm B, phường K, thành phố L, nên Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Phiên tòa hôm nay, Ngân hàng N là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt Ngân hàng N.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về hôn nhân: Ông T và bà L tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường K vào năm 2008, nên được pháp luật công nhận là vợ chồng theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình. Nguyên nhân yêu cầu ly hôn theo bà L trình bày vợ chồng sống hạnh phúc được hơn 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân bất đồng về kinh tế, ông T không chia sẻ cùng bà các khoản nợ, bà nhiều lần giải thích nhưng ông T vẫn không thông cảm. Do mâu thuẫn trầm trọng, hôn nhân không hạnh phúc nên bà yêu cầu ly hôn.

Ông T dù không thống nhất với nguyên nhân mâu thuẫn như bà L trình bày, nhưng ông vẫn đồng ý thuận tình ly hôn, vì cho rằng bà L đã kiên quyết ly hôn, ông có miễn cưỡng hàn gắn, níu kéo cũng không hạnh phúc.

[2.2]. Về con chung: Ông T và bà L có một con chung tên Nguyễn Việt T, sinh ngày 17/8/2008, hiện do ông T chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông bà thống nhất:

Ông T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn, không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con.

Bà L thống nhất nguyện vọng của con được sống với ông T, bà không tranh chấp quyền nuôi con. Ông T không yêu cầu bà cấp dưỡng nuôi con thì bà đồng ý.

[2.3]. Về tài sản chung: Quá trình giải quyết vụ án bà L có tranh chấp tài sản chung là số tiền 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng) ông T gửi tại Ngân hàng N, chi nhánh tỉnh An Giang.

Tuy nhiên tại phiên tòa, bà L rút lại yêu cầu chia tài sản chung, không tranh chấp đối với số tiền 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng), vì bà và ông T đã thỏa thuận và thực hiện xong.

[2.4]. Về nợ chung: Ông T và bà L không yêu cầu giải quyết.

[3]. Qua lời trình bày của đương sự trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nhận thấy:

[3.1]. Về hôn nhân, bà L cho rằng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không thể hàn gắn, ông T cũng thống nhất thuận tình ly hôn, không có nguyện vọng đoàn tụ. Quá trình giải quyết và tại phiên tòa, mặc dù Hội đồng xét xử động viên ông bà vì con tạo thêm cơ hội cho nhau để hàn gắn tình cảm vợ chồng, nhưng ông bà vẫn không thay đổi ý kiến. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn trong hôn nhân đã trầm trọng và ly hôn là sự tự nguyện của ông bà. Do đó căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Trần Thị Bạch L và ông Nguyễn Công T.

[3.2]. Về con chung, ông T và bà L có một con chung tên Nguyễn Việt T, sinh ngày 17/8/2008, hiện do ông T chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông bà thống nhất: Ông T được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, về cấp dưỡng nuôi con, cha mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, đây là quyền lợi của con chưa thành niên. Tuy nhiên, ông T là người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, không yêu cầu bà L cấp dưỡng, nên Hội đồng xét xử không giải quyết buộc bà L cấp dưỡng nuôi con.

Ông T phải tạo điều kiện cho bà L được thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Việc nuôi con không cố định.

Ông T trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở bà L trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[3.3]. Về tài sản chung: Tại phiên tòa, bà L rút lại yêu cầu chia tài sản chung, không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết đối với số tiền 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng), vì bà và ông T đã thỏa thuận và thực hiện xong.

Xét thấy, việc bà L là nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về chia tài sản chung, đây là sự tự nguyện của đương sự, phù hợp pháp luật được quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự Đình chỉ xét xử đối với phần bà L đã rút.

[3.4]. Về nợ chung: Ông T và bà L không yêu cầu giải quyết.

[4]. Về án phí:

[4.1]. Bà Trần Thị Bạch L tự nguyện chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp.

[4.2]. Bà Trần Thị Bạch L được nhận lại 1.875.000đ (Một triệu, tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp đối với yêu cầu chia tài sản chung.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 2 Điều 244; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 51; Điều 55; khoản 2 Điều 81 và Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Trần Thị Bạch L và ông Nguyễn Công T.

2. Về con chung: Ông bà có một con chung tên Nguyễn Việt T, sinh ngày 17/8/2008. Ông bà thỏa thuận:

Ông T được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

Bà L không phải cấp dưỡng nuôi con chung, do ông T không yêu cầu.

Ông T phải tạo điều kiện cho bà L được thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Việc nuôi con không cố định.

Ông T trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở bà L trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của bà Trần Thị Bạch L về tranh chấp chia tài sản chung đối với số tiền 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng).

4. Về tài sản chung và nợ chung: Ông bà tự thỏa thuận. Không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết.

5. Về án phí:

[5.1]. Bà Trần Thị Bạch L nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án, lệ phí Tòa án số 0001504, ngày 15 tháng 7 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L. Bà L đã nộp đủ tiền án phí.

[5.2]. Bà Trần Thị Bạch L được nhận lại 1.875.000đ (Một triệu, tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án, lệ phí Tòa án số 0001532, ngày 25 tháng 7 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L.

6. Về quyền kháng cáo:

[6.1]. Bà L và ông T có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

[6.2]. Ngân hàng N vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi gửi:

- Tòa án ND tỉnh An Giang;
- VKS ND TPLX;
- Thi hành án DS TPL;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng./.

Nguyễn Thị Hoa